

PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI BỀN VỮNG VÀ NHỮNG THÁCH THỨC TRONG QUẢN LÝ

PHẠM THÀNH NGHỊ*

Vấn đề phát triển con người đã được Đảng và Nhà nước ta quan tâm từ lâu. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng, con người được khẳng định là vốn quý nhất. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, được thông qua tại Đại hội VII, khẳng định: nguồn lực lớn nhất, quý nhất của chúng ta là tiềm lực con người Việt Nam. Đặc biệt, tại Đại hội VIII của Đảng quan điểm “*lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững*” đã khẳng định vai trò quyết định của con người trong phát triển kinh tế - xã hội và quan điểm này vẫn được khẳng định trong Văn kiện Đại hội IX. Về mặt nghiên cứu khoa học, các Chương trình KHCN cấp Nhà nước KX-04 “Con người Việt Nam - mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội” (1991-1995), KHXX-07 “Xây dựng con người Việt Nam trong thời đại ngày nay” (1996-2000) và KX-05 “Phát triển văn hoá, Con người và Nguồn nhân lực trong thời kỳ CNH, HĐH” (2001-2005) đã góp phần làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của sự phát triển con người. Có thể nói, phát triển con người ở nước ta đã và đang được quan tâm đầu tư và kết quả phát triển con người thể hiện khá ấn tượng ở sự gia tăng liên tục của chỉ số phát triển con người từ những năm 1990 đến nay. Tuy nhiên, sự chênh lệch về phát triển con người giữa các địa phương, dân tộc, tầng lớp xã hội, giữa nam và nữ đang là

* PGS. TS. Viện Nghiên cứu Con người.

thách thức cho phát triển con người bền vững ở nước ta (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, 2001).

Trên phạm vi toàn thế giới, nhiều quốc gia đang phát triển đã rất thành công trong phát triển con người: tuổi thọ tăng đáng kể, mức phát triển giáo dục khá cao so với thu nhập. Trong khi đó ở nhiều quốc gia khác tình trạng kém phát triển vẫn rất nặng nề và hầu như chưa có dấu hiệu khả quan nào cho thấy tình hình sẽ được cải thiện sớm. Nhưng một điều có thể khẳng định là sự chênh lệch lớn giữa các tầng lớp, giữa các vùng miền đã làm mất cơ hội phát triển của nhiều nhóm người và chính điều này sẽ trở thành gánh nặng của quốc gia, cộng đồng trong tương lai. Do đó, sự phát triển bền vững luôn đi liền với những điều kiện công bằng cho sự phát triển. Báo cáo phát triển con người 1993 kêu gọi *“sự hợp tác giữa các quốc gia và thị trường”* để *“phối hợp giữa tính hiệu quả của thị trường với kỳ vọng xã hội”* và *“kiểu quản lý mới của các quốc gia và quốc tế đảm bảo sự tăng cường khát vọng của người dân”*. Báo cáo phát triển con người 1994 cho rằng cơ sở của sự phát triển con người bền vững nằm ở sự chấp nhận toàn cầu về sự công bằng trong tiếp cận và cơ hội cho tất cả mọi người tại thời điểm hiện tại và trong tương lai, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nguồn gốc sắc tộc. Sự phát triển kinh tế phải hài hoà với môi trường và với sự đáp ứng những nhu cầu cơ bản của con người. Như vậy, cơ may tạo ra sự phát triển con người bền vững gắn liền với sự quản lý của chính phủ, các chính sách và cơ hội tham gia của người dân.

1. Khái niệm phát triển con người bền vững

Báo cáo “Tương lai chung của chúng ta” của Hội đồng Brundland năm 1987 đưa ra định nghĩa phát triển bền vững là *“sự đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không phương hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”*. Qua các tuyên bố quan trọng của các tổ chức quốc tế, khái niệm này được mở rộng sang các nhân tố xã hội và con người, nó hàm chứa sự bình đẳng giữa nước giàu và nước nghèo, vùng giàu và vùng nghèo, tầng lớp giàu và tầng lớp nghèo, giữa các thế hệ v.v.

Phát triển con người bền vững là một lý thuyết phát triển kinh tế-xã hội. Yếu tố con người được coi là điểm khởi đầu và cũng là cái đích của sự phát triển. Nó đương đầu với các chiều cạnh con người và xã hội của sự phát triển như là

những yếu tố nổi trội và tiềm năng vật chất chỉ được coi là điều kiện để đạt được sự phát triển con người và xã hội mà thôi.

Phát triển con người bền vững không coi nhẹ tầm quan trọng của phát triển kinh tế và vai trò của nó trong cải thiện mức sống. Phát triển bền vững cung cấp nhiều sự lựa chọn cho con người như cung cấp lương thực, thực phẩm và dịch vụ sức khoẻ tốt, cuộc sống an toàn hơn, được bảo vệ khỏi tội phạm, bạo lực, sự nghỉ ngơi phù hợp, tự do chính trị, văn hoá và quyền được tham gia, đóng góp vào tạo dựng môi trường nơi con người sinh sống v.v. Mục tiêu đích thực của sự phát triển là tạo ra môi trường cho phép con người được hưởng thụ cuộc sống trường thọ, khoẻ mạnh và sáng tạo.

Sự phát triển phải trả giá bằng sự nghèo đói của một nhóm người hay sự giàu thêm của một bộ phận xã hội mà gây thiệt hại cho những nhóm người khác, hay sự phát triển phương hại đến tự do hoặc làm mất cân bằng chính trị-xã hội là đối lập với phát triển con người bền vững. Vì vậy, sự nối kết giữa phát triển kinh tế và phát triển con người là sự nối kết phổ biến soi sáng chính sách được bắt đầu từ con người và xã hội và cũng kết thúc ở con người và xã hội. Do đó, vấn đề không phải ở chỗ ai được lợi từ tăng trưởng kinh tế và từ đó có thể xem xét việc phân bổ lại thu nhập mà vấn đề là phương thức phát triển nói chung và sự phát triển sẽ tác động như thế nào đến sự thay đổi môi trường kinh tế và xã hội vì lợi ích của tất cả mọi người với việc phải phân bổ lại ít nhất thu nhập.

Lý thuyết phát triển con người bền vững được hai nhà nghiên cứu là Mahboub El Haq và Amartya Sen đưa ra khi họ làm việc cho UNDP. Sự đóng góp quan trọng của họ là ở quan niệm phát triển năng lực con người như là mục tiêu của quá trình phát triển con người bền vững. Theo quan niệm này, mục tiêu của sự phát triển không chỉ là sự tăng trưởng sản xuất, mà là sự tạo điều kiện để con người mở rộng khả năng làm nhiều hơn, sống tốt hơn và lâu hơn, tránh được bệnh tật và nắm được chìa khoá của kho tàng tri thức nhân loại. Do đó, quá trình phát triển trở thành quá trình phát triển năng lực chứ không phải là quá trình tối đa hoá những lợi ích vật chất hay hưởng thụ cuộc sống vật chất. Cơ sở của phát triển con người bền vững không chỉ là ở chỗ nâng cao cuộc sống vật chất mà cái chính yếu lại nằm ở chỗ nâng cao các chuẩn mực văn hoá của con người, giúp họ sống hoàn thiện hơn, phát huy được tài năng và tăng cường năng lực. Điều rõ ràng ở đây là giáo dục và văn hoá đưa đến những lợi ích vượt trội.

Amartya Sen cho rằng nội dung đích thực của sự phát triển nằm ở sự tự do, có thể theo nghĩa phủ định (tự do thoát nghèo) hay theo nghĩa khẳng định (tự do lựa chọn cách sống để phát huy tối đa bản thân). Ví dụ, con người có khả năng lựa chọn mức ăn phù hợp, mà điều đó có thể đạt được thông qua sự phát triển. Quyết định ăn chay hay đấu tranh bằng tuyệt thực là sự tự do được bảo đảm bởi khả năng lựa chọn mức ăn phù hợp, trong khi đó những người sống trong điều kiện đói nghèo không có tự do lựa chọn mức ăn phù hợp đó.

Sự tăng trưởng về số lượng hàng hoá và dịch vụ trong một bối cảnh cụ thể giúp nâng cao năng lực của con người và, tất nhiên, là sự tự do, nhưng đó là con đường gián tiếp; hơn nữa sự tăng cường vật chất không phải là mục đích tự thân. Sự giàu có không là điều kiện để đạt được một số mục tiêu quan trọng của cá nhân và cộng đồng như dân chủ, bình đẳng giới hay bảo tồn và phát triển di sản của loài người. Sự giàu có không là một bảo đảm cho ổn định xã hội và sự cố kết chính trị. Hơn nữa, cuộc sống trường thọ, an toàn, sự đánh giá cao văn hoá và tri thức, cơ hội thể hiện năng lực sáng tạo, quyền tham gia vào quyết định công việc xã hội, quyền biểu đạt ý kiến và gìn giữ môi trường cho thế hệ hiện tại và tương lai không thể đạt được khi chỉ có điều kiện kinh tế. Ngược lại, mức thu nhập đầu người cao không thể bù đắp được sự ô nhiễm môi trường, tình trạng tội phạm cao, bạo hành gia đình hay tình trạng nhiễm HIV/AIDS cao.

Trong Báo cáo phát triển con người 1995, UNDP đã xác định bốn thành tố của sự phát triển con người bền vững:

- Thứ nhất, sự phát triển của con người mang ý nghĩa là *tăng cường năng lực và sức khoẻ* để con người có thể tham gia đầy đủ vào cuộc sống, là sự tăng cường năng lực để con người có thể tiến hành các hoạt động có năng suất cao và sáng tạo;

- Thứ hai, sự phát triển cho con người hàm ý rằng tất cả mọi người đều có cơ hội tiếp nhận phần *chia sẻ công bằng nguồn lợi* do tăng trưởng kinh tế mang lại, đó là sự công bằng về cơ hội;

- Thứ ba, sự phát triển hiện tại phải đảm bảo *không gây tác động tiêu cực đến các thế hệ tương lai*, cho dù đó là sự cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, tiêu cực xã hội, sự kém cỏi trong phát triển nguồn nhân lực, sự huỷ hoại

văn hoá, hay bất kỳ khó khăn nào khác do những quyết định lựa chọn hiện tại gây ra;

- Cuối cùng, sự phát triển bởi con người, hàm ý rằng tất cả các thành viên của xã hội cần có *cơ hội tham gia vào sự phát triển*, tham gia vào việc quyết định và xây dựng các quy trình tác động tới cuộc sống của họ.

Trước hết, *sự phát triển con người xoay quanh phát triển năng lực con người* thông qua các chính sách xã hội và chính kinh tế và các chương trình hướng tới sự hoàn thiện con người. Khái niệm phát triển trong bối cảnh này liên quan đến sự phát triển con người như là mục tiêu và phương tiện hay sự phát triển khả năng con người để đáp ứng các nhu cầu vật chất, đạo đức và xã hội của họ. Phát triển năng lực con người được thực hiện thông qua phát triển giáo dục. Một nền giáo dục có thể tiếp cận được cho mọi người là nền giáo dục đa dạng bao gồm giáo dục bắt buộc được Nhà nước tài trợ, tạo cơ hội cho mọi người tiếp thu những kiến thức cơ bản để có cơ hội phát triển lâu dài; giáo dục nghề nghiệp và giáo dục bậc cao được cá nhân và doanh nghiệp bảo đảm với sự hỗ trợ nhất định của Nhà nước. Điều quan trọng để phát triển năng lực của con người là cơ hội được học tập bất cứ lúc nào, bất kỳ ở đâu và với bất kỳ hoàn cảnh tài chính nào. Người học có thể được vay để học, học khi đang làm việc, học từ xa. Phát triển năng lực thể chất của con người là bộ phận để tăng cường năng lực và là điều kiện để tiếp thu kiến thức, kỹ năng và phát triển năng lực nói chung. Chỉ khi có năng lực, con người mới tận dụng được các cơ hội, mới tham gia hiệu quả vào quyết định các công việc xã hội và lao động sáng tạo. Nói tóm lại, sự phát triển năng lực con người là điều kiện quan trọng nhất để bảo đảm sự phát triển con người bền vững.

Bảo đảm sự công bằng về cơ hội tiếp cận các nguồn lực do tăng trưởng mang lại liên quan đến xây dựng và thực thi các chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Trong kinh tế, tạo cơ hội cho mọi người được tiếp cận nguồn vốn, tiếp cận kỹ thuật và công nghệ để tạo thu nhập, phát triển kinh tế là những quyết sách phù hợp giúp nhóm người yếu thế tăng thu nhập. Chính sách xã hội cũng phải hướng tới tạo cơ hội cho người nghèo, người gặp rủi ro, bệnh tật vượt qua tình trạng khó khăn thông qua các chương trình xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế v.v.

Sự phát triển hiện tại không được gây ra tác động tiêu cực đến các thế hệ tương lai chỉ có thể thực hiện được thông qua tầm nhìn dài hạn, sự tính toán lợi ích khi ra quyết định không quá tập trung vào thế hệ hiện tại mà phải vì các thế hệ tương lai. Sự phát triển bền vững, đặc biệt sự phát triển con người bền vững chỉ có thể thực hiện được khi lãnh đạo có tầm nhìn, có triết lý nhân văn và huy động được các lực lượng xã hội tham gia vào việc ra các quyết định phát triển.

Sự phát triển bởi con người, thông qua tăng cường sự tham gia, chỉ có thể xảy ra nếu quyền lực chính trị, kinh tế và xã hội được phân đều một cách rộng rãi trong cộng đồng. Sự phân bổ này cho phép con người ảnh hưởng đến các chức năng xã hội, kinh tế và chính trị của xã hội, nền tảng của phát triển con người. Theo quan điểm này, phát triển con người hàm ý rằng con người theo quyền chính đáng của mình phải được tiếp cận cách thức để thực thi quyền ấy. Sự tham gia vừa là mục tiêu vừa là phương tiện và phi tập trung hoá trong quản lý là cách thức tạo điều kiện cho sự tham gia này. Liên quan đến khía cạnh thứ tư này, khái niệm vốn xã hội được coi là phương tiện nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội và cơ hội của họ tham gia vào các tổ chức tự nguyện, quan hệ qua lại và được đối xử vị tha. Sự quan tâm về phát triển vốn xã hội giúp tạo dựng một tinh thần xã hội chung cùng với từng mặt riêng biệt như sức khoẻ, tự do và kỹ năng cá nhân (Banuri, Hyden, Juma and Rivera, 1994).

Ở nhiều quốc gia, một số nhóm người luôn luôn bị thiệt thòi về cơ hội tham gia. Đó là người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người thiểu số, người nông thôn, người tàn tật. Báo cáo phát triển con người 1993 ước tính có khoảng 90 phần trăm dân cư trên thế giới không có khả năng gây ảnh hưởng đến các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội của quốc gia nơi họ sống. Tăng cường mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động xã hội là một thử thách quan trọng nhất của sự phát triển con người bền vững.

Tư tưởng mới nhất của UNDP về sự phát triển con người bền vững là để tất cả các nội dung về sự phát triển *của con người, cho con người và bởi con người* có thể đến với các thế hệ tương lai. Bình đẳng tiếp cận và bình đẳng về cơ hội là các yếu tố cơ bản nhất của tầm nhìn về các điều kiện cho phát triển con người bền vững. Tầm nhìn này báo trước một tiêu thức phổ quát: mọi người đều có quyền và có cơ hội thấy trái đất là của tất cả mọi người chứ không chỉ dành cho một nhóm người.

2. Những thách thức đối với phát triển con người bền vững

Những tiến bộ trong phát triển những năm qua là to lớn, nhưng thách thức đối với những nước nghèo rất nghiêm trọng và khó vượt qua. Thiếu lương thực, thực phẩm, môi trường bị tàn phá, sự suy giảm thu nhập, quyền con người bị vi phạm, chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp, vùng miền ngày càng dãn rộng ra, bất bình đẳng xã hội là những vấn đề dễ thấy. Ngoài ra, những vấn đề về thể chế, chính sách, cơ chế quản lý, sự trì trệ của bộ máy hành chính đang là những thử thách chủ quan không dễ vượt qua và luôn xuất hiện trong vấn đề cơ cấu lại hệ thống kinh tế, xoá đói giảm nghèo, tạo lập sự hoà hợp xã hội, phát triển hệ thống nông nghiệp, tạo việc làm, bảo vệ môi trường và giảm tỷ lệ gia tăng dân số v.v.

Đổi mới hệ thống kinh tế:

Xu hướng toàn cầu trong quản lý kinh tế dẫn đến việc kiểm soát chặt chẽ ngân sách, hạn chế nhập khẩu, giảm giá đồng nội tệ và hạn chế bao cấp của chính phủ. Những chính sách này khuyến khích xuất khẩu, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân, đầu tư nước ngoài. Sự tăng trưởng do việc cấu trúc lại này cùng với các chính sách xã hội dài hạn và công bằng sẽ cung cấp tài chính cho phát triển và duy trì giáo dục, y tế và các chương trình phúc lợi chung. Tuy nhiên, cái giá phải trả cho các giải pháp này là khá cao. Thất nghiệp do dư thừa lao động có thể gây phản ứng dây chuyền, ảnh hưởng đến nhiều người. Điều chỉnh cơ cấu, do đó, là liều thuốc khó dùng và luôn gây tranh cãi. Sự thay đổi này cần phải đi liền với các chương trình cho vay, trợ giúp để làm giảm thiệt hại về phát triển con người thông qua cung cấp các khoá đào tạo, việc làm theo thời vụ và hỗ trợ bằng trợ cấp xã hội v.v.

Giảm nghèo:

Nghèo đói là vấn đề toàn cầu. Nghèo đói luôn gắn với nghèo dinh dưỡng, điều kiện sống, tuổi thọ thấp, tỷ lệ bệnh tật cao. Phụ nữ luôn bị thiệt thòi do phải làm việc nặng nhọc, có gia đình sớm và thường có nhiều con, trình độ văn hoá thấp. Cái vòng luẩn quẩn của nghèo đói cứ đeo bám: nghèo, thiếu giáo dục, suy dinh dưỡng, nhiều con, không đủ ăn, thế hệ sau vẫn nghèo đói. Do vậy, vấn đề xoá đói, giảm nghèo đang là thách thức lớn.

Khuyến khích hoà hợp xã hội:

Trong xã hội nhiều nhóm sắc tộc thường tồn tại những xung đột và tranh chấp. Phương tiện để hoà hợp xã hội là thiết lập sự thống nhất những giá trị với những niềm tin, hành động và thái độ chung. Trong lĩnh vực quản lý, càng nhiều phương tiện quản lý truyền thống như luật pháp, giáo dục, tạo việc làm và quản lý kinh tế được đưa vào cuộc sống thì càng thu được nhiều sự ủng hộ của các tổ chức xã hội hoạt động cho mục tiêu chung và những thách thức về hoà hợp xã hội sẽ được giải quyết.

Nâng cao năng suất trong nông nghiệp:

Ở các nước đang phát triển, phần lớn dân số sống ở nông thôn và dựa vào nông nghiệp. Tăng năng suất của hoạt động nông nghiệp để bảo đảm an ninh lương thực là cần thiết. Song khó khăn là ở chỗ ở vùng này dân chúng thường có học vấn thấp, thiếu vốn, tập tục canh tác lạc hậu v.v.

Bảo đảm việc làm:

Sự gia tăng dân số và sự trì trệ kinh tế tạo ra nạn thất nghiệp. Ở Việt Nam cải cách trong điều hành kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường đã làm giảm nhiều việc làm. Vai trò của chính phủ ở đây rất to lớn trong tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi cho phát triển kinh tế và, do đó, tạo thêm việc làm.

Bảo vệ môi trường:

Vấn đề môi trường là vấn đề toàn cầu. Các nước phát triển gây ô nhiễm môi trường do thải ra nhiều khí các-bon-nic, phá huỷ tầng ozôn, gây mưa a-xít v.v. Các nước đang phát triển chịu nạn ô nhiễm nguồn nước, phá huỷ rừng, đất bạc màu, vệ sinh môi trường. Thị trường không thân thiện với môi trường, do đó, chính phủ phải đóng vai trò trung tâm. Các chương trình cần lôi cuốn sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt, người lãnh đạo mạnh mẽ, đổi mới và chịu trách nhiệm sẽ xác định rõ mục tiêu và động viên mọi người theo đuổi mục tiêu bảo vệ môi trường.

Giảm sự gia tăng dân số:

Gia tăng dân số đang gây sức ép lên mọi mặt cuộc sống, tàn phá môi trường và làm suy giảm chất lượng cuộc sống. Giảm quy mô gia đình có ý nghĩa quyết định. Điều này đòi hỏi sự thay đổi hệ giá trị và thái độ. Quản lý nhà nước và quản lý xã hội có vai trò quan trọng nhất đối với việc điều tiết quy mô dân số và phát triển con người bền vững.

3. Vấn đề quản lý và chính sách đối với phát triển con người bền vững

Những kinh nghiệm liên quan đến quản lý có thể rút ra trên phạm vi toàn cầu là khẳng định sự thành công của các nền kinh tế thị trường và sự thất bại của các nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung; việc điều hành của các chính phủ ở những nơi thành công kinh tế đã phát huy quyền dân chủ của nhân dân; sự khủng hoảng ở nhiều nước liên quan đến sự điều hành của chính phủ và tính kém hiệu quả của bộ máy nhà nước; hơn nữa tình trạng tham nhũng đang phổ biến làm xói mòn hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước; sự khủng hoảng sắc tộc đang là thách thức cho quản lý xã hội ở nhiều nước.

Theo UNDP (1995), cải cách để vượt qua những lố lẩn này cần theo các hướng sau:

- Đảm bảo dân chủ cho nhân dân và trách nhiệm chính trị của chính quyền;
- Tạo môi trường sống và làm việc an toàn cho người dân và doanh nghiệp trên cơ sở khung pháp lý rõ ràng;
- Đảm bảo quyền tổ chức và tham gia các tổ chức xã hội;
- Đảm bảo sự minh bạch đối với nguồn tài chính công;
- Bảo đảm cung cấp thông tin với độ tin cậy cao;
- Đảm bảo sự hợp tác giữa chính quyền và các tổ chức dân sự mà chủ yếu là các tổ chức xã hội và các tổ chức phi chính phủ.

Tóm lại, sự phát triển con người bền vững phụ thuộc vào mức độ chính phủ triển khai ý tưởng phát triển bền vững trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá và xã hội và các giải pháp khả thi cho sự giám sát của người dân. Sự tham gia của người dân thông qua các tổ chức xã hội là rất quan trọng. Ngoài việc tạo dựng bộ máy và các nguyên tắc làm việc minh bạch, sự tham gia của người dân vào việc ban hành các quyết định và giám sát việc thực thi các quyết định đó là một bảo đảm cho chính sách phát triển con người bền vững được thực thi vì lợi ích người dân, hướng vào nhu cầu người dân và được người dân giám sát(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 4/2005.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ III, VIII và IX.
2. Banuri, T., G. Hyden, C. Juma, and M. Rivera. (1994) *"Defining and Operationalising Sustainable Human Development: A Guide for the Practitioner."* Mimeo.
3. Phạm Minh Hạc (2001) *Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá.* Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia (2001) *Báo cáo Phát triển Con người Việt Nam 2001.* Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
5. UNDP (1993) *Báo cáo phát triển con người 1993*, New York: Oxford Press.
6. UNDP (1994) *Báo cáo phát triển con người 1994*, New York: Oxford Press.
7. UNDP (1995) *Báo cáo phát triển con người 1995*, New York: Oxford Press.
8. UNDP (1995) *Public sector management, governance and sustainable human development - a Discussion Paper.*